



Chất lượng tạo niềm tin - Khách là vị

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K
THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K

Trụ sở chính: Sàn KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CA HN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Tel: (04) 44 500 668 - **Fax:** (04) 44 500 669

Email: thanglongkiemtoan@gmail.com

Website: www.kiemtoanhanglongtdk.com

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3- BÁO CÁO TÀI CHÍNH SẴN ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO LỢI QUẢ HOÀN	07
BÁO CÁO CHUYỂN ĐỔI	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 25

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3- BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309802048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/02/2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba (03) ngày 03/02/2015. Theo đó:

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN
Tên giao dịch : SAIGON VEGETABLE OIL JOINT STOCK COMPANY (SG OIL JSC)
Trụ sở : Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ tại : 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)
thời điểm lập
báo cáo

Vốn điều lệ tại 31/12/2014 là 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn).

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các loại dầu thực vật.

Chi nhánh hạch toán phụ thuộc: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn. Địa chỉ: Số 170/2 đường Phạm Hùng, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG NĂM VÀ SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 của Công ty lãi trước thuế: 15.642.692.050 đồng, chủ yếu là do giá thu mua nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào giảm mạnh so với năm 2013. Trong khi đó, giá bán đầu ra vẫn giữ ổn định, do đã ký hợp đồng thỏa thuận với bên mua chính là Công ty TNHH Phúc Quang – Hồng Anh.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 số 01-01/2015/DSG-ĐHĐCĐ ngày 26/01/2015 của Công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 đồng lên 200.000.000.000 đồng. Tại thời điểm lập báo cáo này Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung lần thứ 03 ngày 03/02/2015 với mức vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn điều lệ được Đại hội cổ đông thông qua như sau:

- Đầu tư thêm vào Công ty TNHH Phúc Quang – Hồng Anh: 65.000.000.000 đồng.
- Hợp tác kinh doanh dự án Xây xát lúa và xử lý cám gạo tại Bắc Ninh: 20.000.000.000 đồng.
- Bổ sung thêm vốn lưu động: 15.000.000.000 đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC TẠI NGÀY LẬP BÁO CÁO

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Bửu Trân

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Lê Thiên Thạch

Ủy viên

Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Ủy viên

Bà Lê Thị Kim Trinh

Ủy viên

Bà Hoàng Thị Thúy Hà

Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Ngọc Bửu Trân

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2015

T.M. BAN GIÁM ĐỐC
Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DẦU THỰC VẬT
SÀI GÒN
TRẦN NGỌC BỬU TRÂN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội

: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CS TT - CAHN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Tel: (04) 44 500 668

- Fax: (04) 44 500 669

Chi nhánh Miền nam

: C14, Quang Trung, phường 11

- Tel: (08)3 589 7462

- Fax: (08)3 589 7464

Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM

: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM

- Tel: (08)3 848 0763

- Fax: (08)3 526 7187

Chi nhánh Đà Nẵng

: Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng

- Tel: (0511)3 651 818

- Fax: (0511)3 651 868

Chi nhánh Lạng Sơn

: Tô 2, khối 14, đường Bà Triệu

- Tel: (025)3 718 545

- Fax: (025)3 716 264

Số: 843/2015/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/02/2015 và trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý

có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG – T.D.K

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0313 – 2014 – 045 – 1

Lưu Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1026 – 2014 – 045 – 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.450.808.183	1.527.080.144
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.261.345.933	249.537.131
1. Tiền	111		3.261.345.933	249.537.131
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.586.967.430	389.877.545
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	6.564.897.319	-
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	25.022.070.111	389.877.545
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	40.559.753.065	356.714.967
1. Hàng tồn kho	141		40.559.753.065	356.714.967
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.042.741.755	530.950.501
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	-	7.363.878
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.842.357.715	490.678.734
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.6	384.040	2.847.489
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	5.200.000.000	30.060.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.702.620.826	5.473.311.648
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
I. Tài sản cố định	220		4.569.654.375	5.346.038.921
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	-	776.384.546
Nguyên giá	222		-	861.372.728
Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(84.988.182)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	4.569.654.375	4.569.654.375
II. Bất động sản đầu tư	240		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	30.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		30.000.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		132.966.451	127.272.727
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	132.966.451	127.272.727
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		118.153.429.009	7.000.391.792


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014


Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.976.458.715	6.034.203.829
I. Nợ ngắn hạn	310		5.976.458.715	3.055.289.629
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	-	124.997.000
2. Phải trả người bán	312	V.13	2.523.977.770	2.915.802.253
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	9.318.993	9.319.192
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	3.429.446.270	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	13.715.682	5.171.184
II. Nợ dài hạn	330		-	2.978.914.200
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	-	2.978.914.200
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.176.970.294	966.187.963
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	112.176.970.294	966.187.963
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	1.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.176.970.294	(33.812.037)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		118.153.429.009	7.000.391.792

Người lập biểu


Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng


Nguyễn Hồ Trúc Phương

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2015

Giám đốc



Trần Ngọc Bửu Trân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19	298.599.081.193	304.099.371.419
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	10	VI.19	298.599.081.193	304.099.371.419
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	282.229.942.567	303.060.976.957
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	20		16.369.138.626	1.038.394.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	3.058.368	3.399.411
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	9.036.719	48.218.920
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.036.719	41.278.192
8. Chi phí bán hàng	24		74.917.091	59.190.999
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		375.551.162	495.223.299
10. LN thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.912.692.022	439.160.655
11. Thu nhập khác	31	VI.23	459.716.639	-
12. Chi phí khác	32	VI.24	729.716.611	-
13. Lợi nhuận khác	40		(269.999.972)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.642.692.050	439.160.655
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VI.25	3.431.909.719	-
16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52		-	-
17. LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.210.782.331	439.160.655
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Hồ Thúc Phương

Trần Ngọc Bửu Trân



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	322.397.150.163	353.917.645.178
2. Chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(379.886.060.109)	(352.676.650.908)
3. Chi trả cho người lao động	03	(158.382.000)	(138.980.314)
4. Chi trả lãi vay	04	(9.036.719)	(41.278.192)
5. Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(1.392.344)
6. Thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.548.667	132.647.962
7. Chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.239.500.000)	(1.227.967.018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(62.884.279.998)	(35.975.636)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(30.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(30.000.000.000)	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	99.000.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	200.000.000
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(3.103.911.200)	(166.668.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	95.896.088.800	33.332.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.011.808.802	(2.643.636)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	249.537.131	252.180.767
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.261.345.933	249.537.131

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Hồ Trúc Phương



Trần Ngọc Bửu Trân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309802048, thay đổi lần thứ 02 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2014, vốn điều lệ của Công ty là:
100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309802048, thay đổi lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2015, vốn điều lệ của Công ty là:
200.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng).

2- Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh dầu thực vật.

3- Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Trồng cây có hạt chứa dầu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.

II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (ký hiệu là "VND").

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Chuẩn mực kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001; Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002; Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003; Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 và Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi qui định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2014 không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào cần phải được trích lập dự phòng.

3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty không có khoản công nợ nào cần phải được trích lập dự phòng.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|---------------------|
| - Máy móc thiết bị | 03 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải | 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất lâu dài | Không tính khấu hao |

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con hoặc công ty liên kết và được xác định theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng} = \frac{\text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}{\text{Vốn chủ sở hữu thực có}} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp của các bên tại tổ chức}}$$

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí thuê kho và máy phát điện.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn là công cụ, dụng cụ xuất dùng vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 02 đến 03 năm. Đối với chi phí thuê kho cảng, máy phát điện được phân bổ theo thời gian thực tế đi thuê (15 năm).

7- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị công ty.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty nhận được thông báo chia cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10- Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động kinh doanh

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính:

- Chi phí đi vay vốn, bao gồm lãi tiền vay và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

12- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

Ước tính kế toán: Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1- Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt (VND)	3.237.042.445	242.886.540
Tiền gửi ngân hàng (VND)	24.303.488	6.650.591
Cộng:	3.261.345.933	249.537.131
2- Phải thu khách hàng	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	6.564.897.319	-
Cộng:	6.564.897.319	-
3- Trả trước cho người bán	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Tinh bột và Dầu thực vật VN	-	386.205.784
Tổng Công ty Dầu thực vật Việt Nam	3.671.761	3.671.761
Công ty CP Trích ly dầu thực vật	18.398.350	-
Công ty TNHH TM và SX Hoàng Hà (*)	25.000.000.000	-
Cộng:	25.022.070.111	389.877.545
(*) Khoản thanh toán theo tiến độ của Hợp đồng số 01.HĐKT-KTKH/HH-TVSG.01 ngày 26/08/2014 về việc thi công Kho chứa dầu thực vật Sài Gòn.		
4- Hàng tồn kho	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ	3.000.000	21.078.363
Hàng hóa	40.556.753.065	335.636.604
Cộng:	40.559.753.065	356.714.967

5- Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	
Phí bảo hiểm	-	7.363.878	
Cộng:	-	7.363.878	
6- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.463.449	
Thuế thu nhập cá nhân	384.040	384.040	
Cộng:	384.040	2.847.489	
7- Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	
Tạm ứng	5.200.000.000	30.060.400	
Cộng:	5.200.000.000	30.060.400	
8- Tài sản cố định hữu hình			
Chi tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Số đầu năm	11.490.909	849.881.819	861.372.728
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(849.881.819)	(849.881.819)
Giảm khác	(11.490.909)	-	(11.490.909)
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	84.988.182	84.988.182
Khấu hao trong năm	-	53.117.610	53.117.610
Thanh lý, nhượng bán	-	(138.105.792)	(138.105.792)
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại của TSCĐ			
- Tại ngày đầu năm	11.490.909	764.893.637	776.384.546
- Tại ngày cuối năm	-	-	-

9- Chi phí XDCB dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Xây dựng kho chứa dầu TV cảng Vĩnh Long	4.569.654.375	4.569.654.375
Cộng:	4.569.654.375	4.569.654.375
10- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	30.000.000.000	-
Cộng:	30.000.000.000	-

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh thực hiện theo Nghị quyết số 12.02/2014/DSG/NQ-ĐHCĐ ngày 22/12/2014 của Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn. Theo đó Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn mua lại phần vốn của Ông Lê Thiên Thạch tại Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 23/12/2014.

Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp nêu trên vào ngày 26/12/2014.

11- Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bình điện hạ thế (thuê 15 năm)	118.181.851	127.272.727
Công cụ dụng cụ khác	14.784.600	-
Cộng:	132.966.451	127.272.727
12- Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả		
- Techcombank Chi nhánh Trường Chinh	-	124.997.000
Cộng:	-	124.997.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, phường An Lạc, quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Khoản vay Ngân hàng Techcombank - CN Trường Chinh - TP HCM để mua xe oto Foturner Toyota theo Hợp đồng tín dụng số 61391/HĐTD/TH-PN/TCB-TCH, Khế ước nhận nợ số 61391 ngày 16/09/2011. Thời gian vay 36 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 16/09/2014. Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân 22,9%/năm, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/1 lần nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu theo quy định của bên cho vay.

13- Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty CP Cảng Vĩnh Long	102.222.500	83.951.500
Công ty CP Xây dựng 620 - Bình Minh	2.409.797.770	2.409.797.770
Công ty TNHH Tư vấn kiểm định xây dựng	10.600.000	10.600.000
Nhà máy chế biến nông sản TPXK Việt Nam	-	411.452.983
Công ty TNHH Sản xuất TM Hoàng Phát	1.357.500	-
Công ty CP Tinh bột và Dầu TV Việt Nam	-	-
Cộng:	<u>2.523.977.770</u>	<u>2.915.802.253</u>

14- Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty TNHH Đức Thạnh	9.318.993	9.319.192
Cộng:	<u>9.318.993</u>	<u>9.319.192</u>

15- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.429.446.270	-
Cộng:	<u>3.429.446.270</u>	<u>-</u>

16- Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số cuối năm</u> VND
BHXH, BHYT, KPCĐ	13.715.682	-
Phải trả, phải nộp khác	-	5.171.184
Cộng:	<u>13.715.682</u>	<u>5.171.184</u>

17- Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>
Vay đối tượng khác (*)		
Hoàng Thị Thúy Hà	-	580.000.000
Nguyễn Thị Lệ Hằng	-	2.273.917.200
Techcombank Chi nhánh Trường Chinh (**)	-	124.997.000
Cộng:	<u>-</u>	<u>2.978.914.200</u>

(*) Khoản vay các cổ đông của Công ty để bổ sung vốn lưu động và đầu tư nhà máy chế biến dầu thực vật. Khoản vay không tính lãi.

(**) Nợ gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng số 61391/HĐTD/TH-PN/TCB-TCH, vay mua xe oto với thời hạn 36 tháng.

18- Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a- Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000	(472.972.691)	527.027.309
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi (Lỗ) trong năm trước	-	439.160.655	439.160.655
Tăng, giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000	(33.812.036)	966.187.963
Tăng vốn trong năm nay (*)	99.000.000.000	-	99.000.000.000
Lãi (Lỗ) trong năm nay	-	12.210.782.331	12.210.782.331
Tăng, giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	12.176.970.294	112.176.970.294

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Hoàng Thị Thúy Hà	10.000.000.000	100.000.000
Lê Thiên Thạch	60.000.000.000	500.000.000
Lê Thị Kim Trinh	10.000.000.000	100.000.000
Nguyễn Thị Lệ Hằng	10.000.000.000	200.000.000
Trần Ngọc Bửu Trân	10.000.000.000	100.000.000
Cộng:	<u>100.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

(*) Vốn góp tăng trong năm được các cổ đông nộp vào tài khoản tại Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Hà Nội.

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	1.000.000.000	1.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	99.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	1.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d- Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

19- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	298.599.081.193	304.099.371.419
Cộng:	298.599.081.193	304.099.371.419
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng	298.599.081.193	304.099.371.419

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu B 09 - DN

Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, phường An Lạc, quận Bình Tân

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

20- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán	282.229.942.567	303.060.976.957
Cộng:	282.229.942.567	303.060.976.957

21- Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	3.058.368	3.399.411
Cộng:	3.058.368	3.399.411

22- Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi vay	9.036.719	41.278.192
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	6.940.728
Cộng:	9.036.719	48.218.920

23- Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý xe ô tô	459.716.639	-
Cộng:	459.716.639	-

24- Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại của xe ô tô	729.716.611	-
Cộng:	729.716.611	-

25- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán	15.642.692.050	439.160.655
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	(43.102.416)	(439.160.655)
- Chuyển lỗ	(43.102.416)	(439.160.655)
Thu nhập chịu thuế	15.599.589.634	-
Chi phí thuế TNDN (22%)	3.431.909.719	-
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.431.909.719	-

VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1- Chính sách quản lý rủi ro

Công ty thực hiện việc quản lý rủi ro như sau:

Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm: Vốn điều lệ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ (VND)
- Tiền và các khoản tương đương tiền	3.261.345.933
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	-
- Phải thu khách hàng	6.564.897.319
- Trả trước cho người bán	25.022.070.111
- Phải thu khác	8.042.741.755

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư ngày 31/12/2014 (VND)

Vay và nợ ngắn hạn	-
Phải trả người bán	2.523.977.770
Người mua trả tiền trước	9.318.993
Thuế phải nộp	3.429.446.270
Các khoản phải trả khác	13.715.682

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa, rủi ro thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến:

Tại 31/12/2014	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Cộng
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	-	-	-
Phải trả người bán	2.523.977.770	-	2.523.977.770
Người mua trả tiền trước	9.318.993	-	9.318.993
Thuế phải nộp	3.429.446.270	-	3.429.446.270
Các khoản phải trả khác	13.715.682	-	13.715.682
	5.976.458.715	-	5.976.458.715

Ban Giám đốc Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay dưới hình thức thế chấp tài sản.

2- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K.

3- Thông tin hoạt động liên tục

Công ty không có bất cứ kế hoạch nào nhằm thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như không có sự kiện nào phát sinh trong năm và sau ngày khóa sổ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

4- Giao dịch với bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Giá trị giao dịch	Công nợ
Hoàng Thị Thúy Hà	Thành viên HĐQT	Trả nợ vay	580.000.000	-
Lê Thiên Thạch	Thành viên HĐQT	Mua lại phần vốn góp của Ông Thạch tại Công ty Phúc Quang - Hồng Anh	30.000.000.000	-
Nguyễn Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	Trả nợ vay	2.273.917.200	-
Nguyễn Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	5.200.000.000	5.200.000.000
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	Công ty liên kết	Bán hàng	327.803.141.440	6.564.897.314

Người lập biên

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồ Trúc Phương

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2015

Giám đốc



Trần Ngọc Bửu Trân